**TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN CỪ**

**NGỮ VĂN LỚP 8 - HỌC KÌ II**

**TUẦN 24 (06/4-11/4/2020)**

**VĂN BẢN**

**NGẮM TRĂNG**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=ivvRMOQq53g>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Giới thiệu chung**

**1. Tác giả :** Hồ Chí Minh (hs tự tìm hiểu).

**2. Tác phẩm**

- Hoàn cảnh sáng tác: 8/1942 Hồ Chí Minh lên đường sang Trung Quốc, chính quyền địa phương bắt giữ.

- Bài “Ngắm trăng” rút ra từ tập thơ trên. Nhật ký trong tù được viết bằng thơ chữ Hán, gồm 133 bài.

- Thể loại: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

- Bố cục *2 phần: 2 câu đầu, 2 câu cuối*

**-** Phương thức biểu đạt:biểu cảm

**II. Tìm hiểu văn bản**

**a. Hoàn cảnh ngắm trăng.**

**1)** ***Hoàn cảnh ngắm trăng và tâm trạng của nhà thơ (2 câu đầu).***

*“Trong tù không rượu cũng không hoa,*

*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ;”*

- Điệp từ “không” nhấn mạnh sự thiếu thốn của cuộc sống nhà tù.

- Câu hỏi tu từ “cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào?”

*🡢 Thể hiện sự xúc động của Bác trước cảnh đẹp của thiên nhiên.*

***2). Tình cảm giữa nhà thơ với trăng (2 câu cuối)***

*“Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.”*

- Biện pháp đối:

Người – cửa sổ - trăng

Trăng – cửa sổ - nhà thơ

- Phép nhân hoá: trăng ngắm nhà thơ

*\* Giữa trăng và người luôn bị song sắt của nhà giam ngăn cách nhưng cả hai đều tìm đến với nhau như người bạn tri âm.*

*🡢 Thể hiện tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung của Bác trong cảnh ngục tù.*

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

Thể thơ tứ tuyệt hàm súc, giản dị cùng với những hình ảnh nhân hoá, đối, điệp từ.

**2. Nội dung:**Tình yêu thiên nhiên say mê và phong thái ung dung tự tại của Bác Hồ ngay trong cảnh ngục tù tối tăm cực khổ./.

**TIẾNG VIỆT**

**CÂU CẢM THÁN**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=ZtHh7pB3JJM>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I/. Đặc điểm hình thức và chức năng**

**1. Ví dụ: sgk/ 43**

**Tìm câu cảm thán trong ví dụ a, b**

a. Hỡi ơi lão Hạc!

b. Than ôi!

- Hai câu trên là câu cảm thán.

- Đặc điểm hình thức để nhận biết là có từ cảm thán:

+ Hỡi ơi, Than ôi, ...

+ Khi viết thường kết thúc bằng dấu chấm than.

🡢 Mục đích để bộc lộ cảm xúc. Xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hằng ngày hay ngôn ngữ văn chương.

**2. Ghi nhớ (sgk/ 44)**

**II/. Luyện tập: các em làm các bài tập trong SGK.**

**TIẾNG VIỆT**

**CÂU TRẦN THUẬT**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=QNtoGDdAeXo>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Đặc điểm hình thức và chức năng**

**1. Ví dụ:** a,b,c,d sgk/45, 46

- Những câu trong các đoạn trích a,b,c,d không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán là: tất cả các câu trong đoạn trích a,b,c,d không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trừ câu *“Ôi Tào Khê!”là câu cảm thán.*

- Những câu này được dùng để:

a. Dùng để nêu nhận định của người viết.

b. Kể, tả và thông báo sự việc

c. Miêu tả ngoại hình Cai tứ

d. Nhận định (bộc lộ cảm xúc)

-Trừ câu: Ôi! Tào Khê.

- Ngoài ra câu trần thuật còn được dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ cảm xúc... (vốn là các chức năng của các kiểu câu khác)

- Khi viết câu trần thuật thường được kết thúc bằng dấu chấm, nhưng có khi kết thúc bằng dấu chấm than hoặc chấm lửng.

- Trong các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật, thì kiểu câu trần thuật được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp vì nó có khả năng thể hiện hầu hết các chức năng của 4 kiểu câu.

**2. Ghi nhớ (học thuôc, sgk/ 46)**

**II. Luyện tập: các em làm các bài tập trong SGK./.**

**TIẾNG VIỆT**

**CÂU PHỦ ĐỊNH**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=dZt6yeJgHtk>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I/. Đặc điểm hình thức và chức năng**

***1. Ví dụ:sgk/52***

**(1) các câu b,c,d có đặc điểm hình thức khác câu a là:**

a. Nam đi Huế (*khẳng định, xác nhận sv*)

b. Nam không đi Huế

c. Nam chẳng đi Huế *phủ định sự việc*

d. Nam chưa đi Huế *Nam đi Huế*

***🡢 Về chức năng để thông báo, xác nhận không có sự việc xảy ra.***

**(2) Các câu có từ ngữ phủ định là:**

- Không phải, nó chần chẫn như cái đòn càn.

- Đâu có! Nó bè bè như cái quạt thóc.

**🡢 *Mấy ông thầy bói xem voi dùng những câu này để phản bác một ý kiến, một nhận định.***

**2) Ghi nhớ (sgk/53)**

**II. Luyện tập: các em làm các bài tập trong SGK./.**

**VĂN BẢN**

**CHIẾU DỜI ĐÔ**

 **(Lý Công Uẩn)**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

https://www.youtube.com/watch?v=yp7nNRVJjvM

Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả** (SGK/50)

**2.Tác phẩm:**

- Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1010, Lí Công Uẩn lên làm vua ông viết bài chiếu bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La cho toàn dân được biết.

- Thể loại: chiếu.

- Bố cục:2 phần.

+ “Từ đầu … đổi dời”: mục đích dời đô.

+ “Tiếp … hết”: ca ngợi địa thế thành Đại La.

**II. Tìm hiểu chi tiết văn bản**

**1 Mục đích của việc dời đô**

**\* Trung Quốc:**

- Nhà Thương năm lầm dời đô.

- Nhà Chu ba lần dời đô

- Nhằm mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời, vâng mệnh trời, theo ý dân.

🡢 Vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh.

**\* Nước ta:**

- Nhà Đinh, Lê dời đô theo ý riêng mình, không theo mệnh trời.

🡢 Triều đại không được lâu bền, vận nước ngắn ngủi, trăm họ hao tốn, muôn vật không được thích nghi.

=> Việc dời đô của Lí Công Uẩn là hợp quy luật.

**2. Ca ngợi vùng đất thành Đại La.**

***\* Vị thế địa lí:***

- Trung tâm của trời đất, rồng cuộn hổ ngồi, nhìn sông dựa núi

- Địa thế rộng mà bằng cao mà thoáng.

- Dân cư không phải chịu cảnh ngập lụt, muôn vật tươi tốt.

***\* Vị thế chính trị:***

 - Là đầu mối giao lưu.

- Chốn hội tụ của bốn phương.

- Là mảnh đất hưng thịnh muôn vật phong phú tốt tươi.

- Là kinh đô của bậc đế vương muôn đời.

-> Đại La là vùng đất tốt nhất để đóng đô từ vị trí địa lí đến chính trị văn hoá.

=> Khẳng định việc dời đô là hoàn toàn sáng suốt, đúng đắn.

**3. Chiếu Dời Đô có sức thuyết phục bởi sự kết hợp giữa lí và tình.**

- **Về lí:**

Dẫn chứng lịch sử Trung Quốc để làm chỗ dựa cho luận điểm của mình 🡢 chỉ rõ hai nhà Đinh, Lê dời đô theo ý mình đã gây tổn thất cho muôn dân 🡢 vì vậy dời đô về vùng đất Đại La là hợp lí nhất vì ở đó có nhiều thuận lợi.

- **Về tình:**

Thể hiện qua câu: *“Trẫm rất đau xót về việc đó. Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi … các khanh nghĩ thế nào?”*

🡢 Thể hiện tình cảm yêu nước của nhà vua.

=> Lập luận và tình cảm đã gắn bó, hoà quyện vào nhau khiến bài chiếu có sức thuyết phục.

**III. Tổng kết**

 **1. Nghệ thuật:**

- Gồm có 3 phần chặt chẽ

- Giọng văn trang trọng, thể hiện suy nghĩ, tình cảm sâu sắc của tác giả về một vấn đề hết sức quan trọng của đất nước.

- Lựa chọn ngôn ngữ có tính tâm tình, đối thoại:

+ Là mệnh lệnh nhưng Chiếu dời đô không sử dụng hình thức mệnh lệnh.

+ Câu hỏi cuối cùng làm cho quyết định của nhà vua được người đọc, nguời nghe tiếp nhận, suy nghĩ và hành động một cách tự nguyện.

**2. Nội dung: Ghi nhớ SGK/51**

*- Cô chúc các em học tập hiệu quả -*